

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 17/05/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0184	SV6330531	Vũ Nhật	Thiên	31/3/2000		
2	TA0185	SV6330532	Kiều Văn	Thiện	11/5/1999		
3	TA0186	SV6330533	Nguyễn Thị	Thìn	9/9/2000		
4	TA0187	SV6330534	Lê Xuân	Thọ	7/3/2000		
5	TA0188	SV6330535	Nguyễn Thị	Thu	23/11/1999		
6	TA0189	SV6330536	Nguyễn Thị	Thu	15/11/2000		
7	TA0190	SV6330537	Lê Thị Kim	Thư	21/2/2001		
8	TA0191	SV6330538	Huỳnh Thị	Thủy	20/12/1999		
9	TA0192	SV6330539	Kiều Thị	Thúy	4/2/2000		
10	TA0193	SV6330540	Nguyễn Quyết	Tiến	25/10/1999		
11	TA0194	SV6330541	Trần Quốc	Toản	15/09/1999		
12	TA0195	SV6330542	Phạm Hữu	Tốt	25/1/1999		
13	TA0196	SV6330543	Trịnh Ngọc	Trâm	18/11/1999		
14	TA0197	SV6330544	Đặng Quỳnh	Trang	4/1/2000		
15	TA0198	SV6330545	Nguyễn Thị	Trang	05/06/2000		
16	TA0199	SV6330546	Nguyễn Thu	Trang	15/8/2000		
17	TA0200	SV6330547	Nguyễn Thu	Trang	1/8/2000		
18	TA0201	SV6330548	Nguyễn Trung Thị	Trang	16/2/2001		
19	TA0202	SV6330549	Phùng Minh	Trang	21/5/2000		
20	TA0203	SV6330550	Trần Thị Ngọc	Trang	20/12/2000		
21	TA0204	SV6330551	Nguyễn Văn	Trình	23/3/1999		
22	TA0205	SV6330552	Trần Hữu	Trình	10/1/1999		
23	TA0206	SV6330553	Đỗ Minh	Trung	25/07/1999		
24	TA0207	SV6330554	Phạm Đắc	Trung	5/12/1999		
25	TA0208	SV6330555	Trần Xuân	Trường	04/06/1980		

26	TA0209	SV6330556	Nguyễn Anh	Tú	22/3/1999		
27	TA0210	SV6330557	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	25/3/2000		
28	TA0211	SV6330558	Nguyễn Việt	Tuấn	12/5/1999		
29	TA0212	SV6330559	Nguyễn Quang	Tùng	20/9/1999		
30	TA0213	SV6330560	Nguyễn Hải	Quân	05/09/1998		
31	TA0214	SV6330561	Trần Thế	Tuyên	23/3/1999		
32	TA0215	SV6330562	Trịnh Đức	Tuyền	10/11/2000		
33	TA0216	SV6330563	Nguyễn Thị	Uyên	10/7/2000		
34	TA0217	SV6330564	Phạm Thu	Uyên	9/1/2000		
35	TA0218	SV6330565	Nguyễn Thị	Vân	25/6/2000		
36	TA0219	SV6330566	Lê Hồng	Vi	13/11/2000		
37	TA0220	SV6330567	Nguyễn Văn Tùng	Việt	21/06/1999		
38	TA0221	SV6330568	Nguyễn Văn	Vĩnh	14/10/1999		
39	TA0222	SV6330569	Nguyễn Minh	Vương	21/7/2000		
40	TA0223	SV6330570	Phạm Thị Cẩm	Yến	23/8/2000		
41	TA0224	SV6330571	Lưu Minh	Hiếu	12/2/1981		
42	TA0225	SV6330572	Nguyễn Đức	Hiếu	01/12/1980		
43	TA0226	SV6330573	Nguyễn Mạnh	Thắng	20/11/1975		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)